Chi tiết mã HS 3913.10.00

Mã HS	3913.10.00
Mô tả hàng hóa	Polyme tự nhiên (ví dụ, axit alginic) và các polyme tự nhiên đã biến đổi (ví dụ, protein đã làm cứng, các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, dạng nguyên sinh / - Axit alginic, các muối và este của nó
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 07:12:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39131000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5870
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5870
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5870
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5675
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5636
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5636
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5636
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5636
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5636
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5636
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5680
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5680

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5680
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5680
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5680
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5680
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5678
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5678
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5678
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5678
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5678
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5678
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5680
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5642
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5638
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5638
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5638
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5638
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5638
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5638
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5649
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5649
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5649
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5649
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5649
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5649
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5688
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5688

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5688
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5688
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5688
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5688
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5689
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5689
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5689
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5689
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5689
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5689
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5692
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5692
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5692
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5692
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5692
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5692
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5661
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5661
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5661
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5661
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5661
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5661
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5663
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5663
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5663
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5663

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5663
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5663
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5661
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5661
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5661
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5661
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5661
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5661
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5661
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5682
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5682
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5682
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5682
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5682
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5682
RCEP B	2022	2022	0	B!D5682
RCEP B	2023	2023	0	B!E5682
RCEP B	2024	2024	0	B!F5682
RCEP B	2025	2025	0	B!G5682
RCEP B	2026	2026	0	B!H5682
RCEP B	2027	2027	0	B!I5682
RCEP C	2022	2022	0	C!D5682
RCEP C	2023	2023	0	C!E5682
RCEP C	2024	2024	0	C!F5682
RCEP C	2025	2025	0	C!G5682
RCEP C	2026	2026	0	C!H5682

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5682
RCEP D	2022	2022	0	D!D5682
RCEP D	2023	2023	0	D!E5682
RCEP D	2024	2024	0	D!F5682
RCEP D	2025	2025	0	D!G5682
RCEP D	2026	2026	0	D!H5682
RCEP D	2027	2027	0	D!I5682
RCEP E	2022	2022	0	E!D5685
RCEP E	2023	2023	0	E!E5685
RCEP E	2024	2024	0	E!F5685
RCEP E	2025	2025	0	E!G5685
RCEP E	2026	2026	0	E!H5685
RCEP E	2027	2027	0	E!I5685
RCEP F	2022	2022	0	F!D5682
RCEP F	2023	2023	0	F!E5682
RCEP F	2024	2024	0	F!F5682
RCEP F	2025	2025	0	F!G5682
RCEP F	2026	2026	0	F!H5682
RCEP F	2027	2027	0	F!I5682
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5236
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5236
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5236
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5236

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)		15/2024/TT-BYT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3913.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3913.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5870), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.